

## UNIT 4: WHAT CAN WE SEE ON A FARM?

### Lesson 21: Project

#### I. Nội dung buổi học:

- Học sinh củng cố kiến thức thông qua một dự án sáng tạo.
- Học sinh tập đứng thẳng.
- Học sinh suy ngẫm về những gì đã học được.

#### II. Key vocabulary:



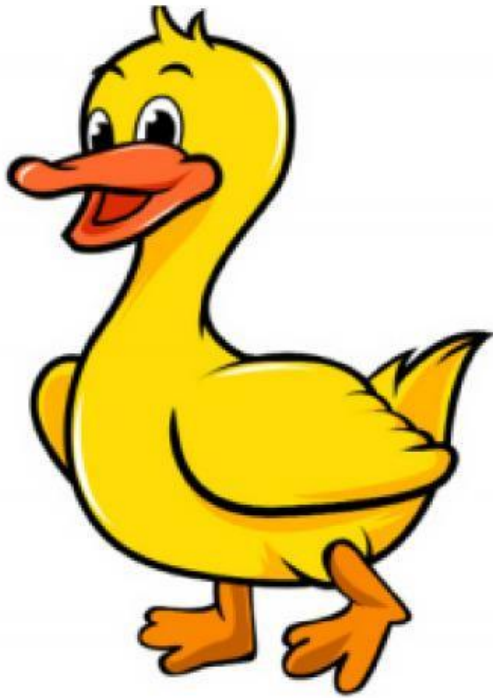
**Chick**  
(Con gà con)



**Farmer**  
(Nông dân)



## II. Key vocabulary:



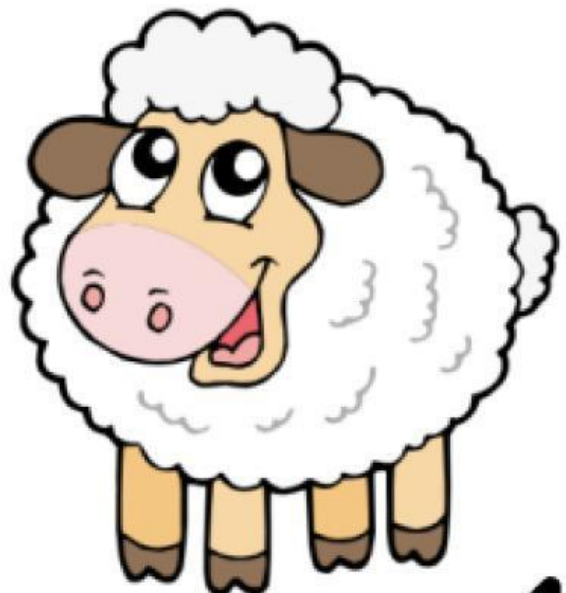
**Duck**  
(Con vịt)



**Cow**  
(Con bò)



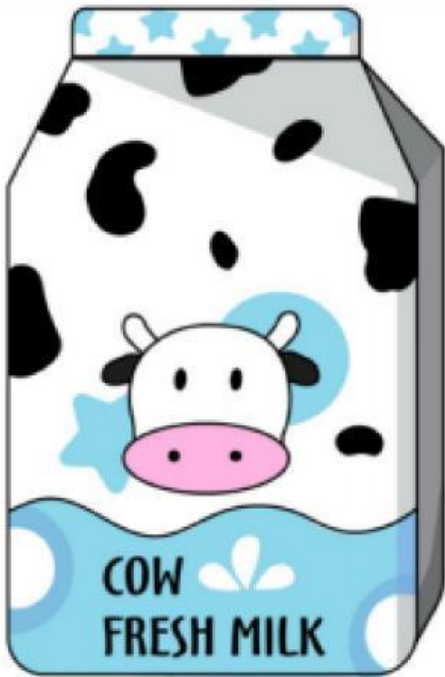
**Horse**  
(Con ngựa)



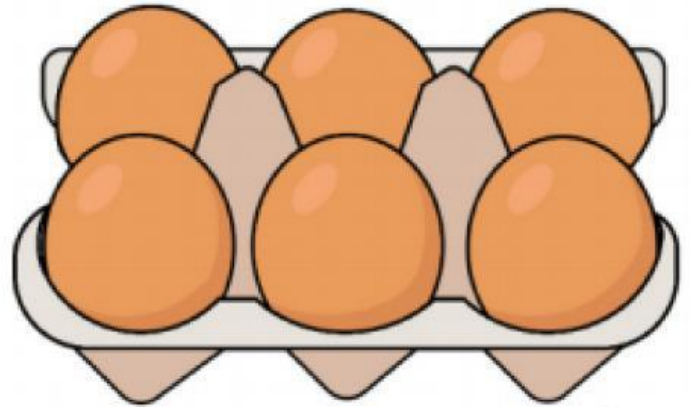
**Sheep**  
(Con cừu)



## II. Key vocabulary:



**Milk**  
(Sữa)



**Eggs**  
(Trứng)



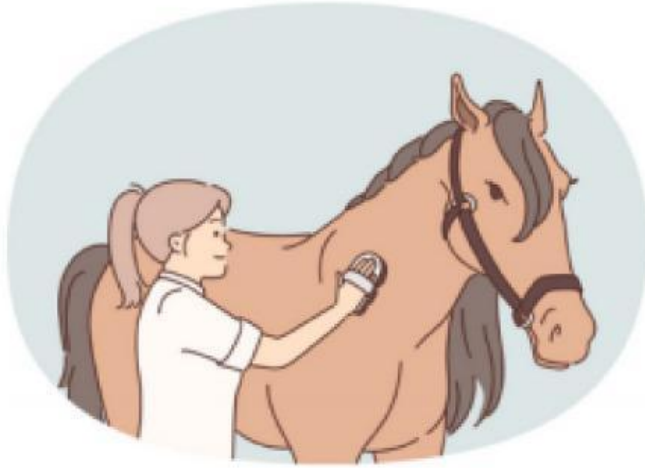
**Shear**  
(Cạo lông)



**Collect**  
(Nhặt)



## II. Key vocabulary:



**Groom**  
(Chải lông)



**Feed**  
(Cho ăn)



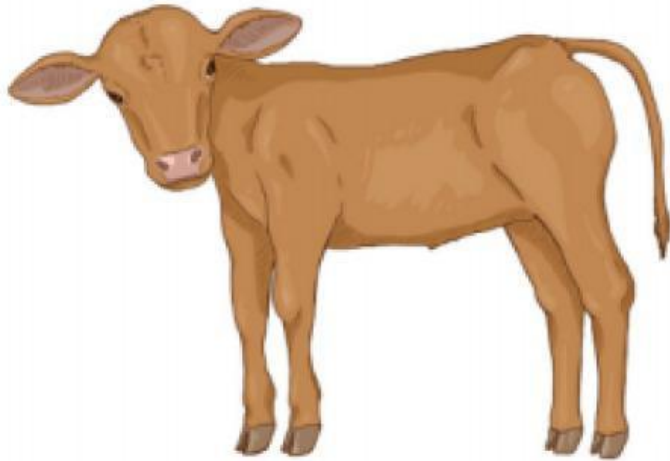
**Milk**  
(Vắt sữa)



**Farm**  
(Nông trại)



## II. Key vocabulary:



**Calf**  
(Con bê)



**Duckling**  
(Con vịt con)



**Foal**  
(Con ngựa con)



**Lamb**  
(Con cừu con)



**III. Key language:**



**Milk comes from cows.**



**Eggs come from hens.**



**What is the farmer doing? The farmer's (milking) the (cow).**

